

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Được**

Ông Nguyễn Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
(Vắng mặt)

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐST –HNGĐ ngày 30/6/2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 1997. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Chà Và, xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Ấp Chà Và, xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2016 chị Tr và anh Phạm Văn T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, không

quan tâm đến vợ con, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi và vợ chồng chị đã ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Văn T.

- *Về con chung*: Có một con tên Phạm Quốc Vĩ Kh, sinh ngày 08/01/2017, hiện chị đang nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa vắng mặt Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang nên không có lời phát biểu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Huyền Tr và anh Tuấn.

Tại Quyết định số 74/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Viện Trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang phân công kiểm sát viên Nguyễn Thanh V và kiểm sát viên dự khuyết Nguyễn Tấn A tham gia phiên tòa theo thông báo thụ lý số 194/TB-TLVA ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, nhưng tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang đều vắng mặt. Căn cứ Điều 232 Bộ luật Tố tụng Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung nên Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Tr và anh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Tr và anh T là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tr trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi nên vợ chồng chị đã ly

thân từ năm 2018, giữa vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tr cương quyết xin ly hôn với anh T. Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thì được biết anh T không lo làm ăn nên giữa chị Tr và anh T thường hay cự cãi.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng anh, chị hàn gắn, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trang.

[4] *Về con chung*: Chị Tr và anh T có 01 con chung tên Phạm Quốc Vĩ Kh, sinh ngày 08/01/2017. Xét trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Kh. Nên chấp nhận để chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng Phạm Quốc Vĩ Kh, sinh ngày 08/01/2017 là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[6] *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị Tr phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 232, 238, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Quốc Vĩ Kh, sinh ngày 08/01/2017.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

4. *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

5. *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Tr đã nộp theo biên lai số 0007071, ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Vinh Kim;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Mai